

Nghĩ về vương triều Mạc và Thăng Long thuở ấy

T.S. NGUYỄN DOãn TUÂN - NGUYỄN TUYẾT ANH*

Gần 500 năm qua, sau khi vương triều Mạc sụp đổ đã có không ít sử sách và truyền ngôn từ nhiều hệ qui chiếu khác nhau về vai trò, vị thế của vương triều này trong lịch sử dân tộc, thậm chí có ý kiến phủ nhận vai trò của nhà Mạc.

Trong vài thập niên gần đây, giới học thuật nước nhà đã dựa vào những vấn đề thuộc quy luật tồn tại và phát triển lịch sử gắn liền với vận mệnh dân tộc, lợi ích của nhân dân để nhận hiểu, đánh giá về chính thể của nhà Mạc và các vua Mạc ở thời điểm lịch sử ấy.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được giải bày một vài ngẫm suy và nhận hiểu về vương triều Mạc cũng như vài nét về Thăng Long xưa.

1. Một vài "nét đẹp" của vương triều Mạc

Trong các bộ chính sử của nhà nước quân chủ Việt Nam, từ "Đại Việt sử ký toàn thư" đời Lê - Trịnh đến "Việt sử thông giám cương mục" đời Nguyễn, cũng như trong quan niệm chính thống của các sử gia đương thời, có ba triều đại bị đặt ra ngoài lề của dòng chính sử, bị coi là "nhuận triều" hay "ngụy triều" vì lẽ "cướp ngôi vua, giết vua thì danh không chính, ngôn không

thuận, vì lẽ nghịch mà lấy được nước, nên không chép là chính thống". Đó là các triều: "nhuận" Hồ, "ngụy" Mạc và "ngụy" Tây Sơn. Khảo sát nghiên cứu về nhà Mạc một cách khách quan cho thấy, triều Mạc đã có những đóng góp đáng được ghi nhận đối với quốc gia dân tộc, dù đã bị bề dày lịch sử phủ lên.

Nhà Mạc là một triều đại được nhân dân đương thời công nhận và ủng hộ. Tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* dù khinh ghét "ngụy triều" Mạc vẫn khách quan ghi nhận: "Tháng 6 Đinh Hợi (1527) Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh bắt hiếp vua phải nhường ngôi. Bấy giờ thần dân trong nước đều theo Mạc Đăng Dung, đều đón vào kinh sư" (*Đại Việt sử ký toàn thư*. q. 4, tr. 118).

65 năm trị vì ở Đông Kinh cộng với 75 năm tồn tại trên đất Cao Bằng đã xác nhận vương triều Mạc thực sự là một vương triều có một cơ sở kinh tế - xã hội khá vững chắc.

Vương triều Mạc đã từng tạo ra được một xã hội ổn định, no ấm, có kỷ cương và pháp luật. Sách *Ô châu cận lục* có ghi khá cụ thể những cảnh sinh hoạt phồn thịnh của thời kỳ này. Và, ngay tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* và Lê Quý Đôn cũng đã ghi nhận: "Mạc có lệnh cấm các xứ trong ngoài người ta không được cầm giáo

mác và binh khí hoành hành ở đường sá, ai trái thì cho pháp ty bắt. Từ đó những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ, trong khoảng mấy năm, trộm cướp biệt tăm, súc vật chăn nuôi tới đến không phải dón vào chuồng, cứ mỗi tháng một lần kiểm điểm thôi. Mấy năm liền được mùa, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn". Tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi thêm hiện tượng "đường sá không nhật của rơi, cổng ngoài không cần đóng".

Một trong những điều đáng chú ý là vương triều Mạc rất chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo được nhiều nhân tài kiệt xuất. Vua Mạc khuyến khích xây trường học, trực tiếp sai một đại thần trông nom việc sửa chữa trong Quốc tử giám và đích thân đi thăm nhà Thái học. Trong 65 năm, nhà Mạc đã tổ chức đều đặn 20 kỳ thi Hội, đào tạo được 20 trạng nguyên và khoảng 456 tiến sĩ. Có nhiều nhân vật kiệt xuất như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Thiến, Nguyễn Quyện, Phùng Khắc Khoan, Bùi Vinh, Giáp Hải, Giáp Trung, Nguyễn Năng Nhuận, Đặng Vô Cảnh, Trần Văn Nghi, Hoàng Sĩ Khải, Phạm Quỳnh, Phạm Dao, Hà Nhậm Đại, Bùi Văn Khuê, Mạc Kính Điển, Dương Văn An, Nguyễn Quang Bật, v.v. là những trí thức lớn đóng vai trò quan trọng ở các thập kỷ sau này. Đặc biệt có Nguyễn Thị Duệ, người Chí Linh (Hải Dương) là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên cải trang nam giới đi thi đỗ tiến sĩ dưới triều Mạc.

Triều Mạc rất trọng chữ Nôm, khuyến khích sáng tác văn thơ Nôm và tạo ra một thời kỳ văn học Nôm rực rỡ trong lịch sử văn học dân tộc. Thơ văn Nôm của Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hàng, Hoàng Sĩ Khải, Lê Bá Ly... đã đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử văn học dân tộc. "Tô công phụng sứ" và "Lâm tuyền kỳ ngộ" là những truyện thơ Nôm viết theo thể Đường luật có giá trị. Một bài phú Nôm của Bùi Vinh mà được vua Mạc thưởng tới 10 lạng vàng, thật là chuyện hiếm thấy trong lịch sử văn học nước nhà.

Dưới vương triều Mạc, nhiều ngành nghệ thuật phát triển rực rỡ và độc đáo. Hầu hết các chùa đồ nát đều được trùng tu. Chùa Phổ Minh đã đánh dấu một nghệ thuật điêu khắc, chạm

trổ khá tài hoa độc đáo của thời kỳ này. Tượng bà chúa Mạc ở chùa Phổ Minh, ở chùa Trà Phương là những công trình nghệ thuật đậm đà màu sắc dân tộc. Đặc biệt là gốm thời Mạc đã ghi khắc cả niên hiệu, nơi sản xuất và tên nghệ nhân. Việc ghi tên tác giả trên tác phẩm gốm có lẽ là một hiện tượng hiếm thấy trong lịch sử đồ gốm ở nước ta và thế giới. Đó là một hiện tượng cực kỳ độc đáo và lý thú, đáng được nhiều ngành khoa học và nghệ thuật quan tâm nghiên cứu.

Gốm sứ thời Mạc hiện thu thập được khá nhiều, bao gồm phần lớn là những chân đèn, lư hương và bình men lam, mà trên đó hầu hết đều có minh văn với xuất xứ, niên đại cũng như chủ nhân của mỗi sản phẩm đó. Cách kinh thành Thăng Long không xa, có hai làng nghề làm gốm truyền thống nổi tiếng, đó là làng gốm Chu Đậu (huyện Nam Sách, trấn Hải Dương) và làng gốm Bát Tràng (huyện Gia Lâm, Hà Nội). Sản phẩm của hai làng này, ngoài phần tiêu thụ tại địa phương và phục vụ xuất khẩu, thì phần lớn được chuyển về bán tại Thăng Long và các trấn lân cận.

Dưới thời Mạc, nghệ thuật kiến trúc lâu đài và thành lũy cũng có nhiều nét độc đáo. Một trong những loại hình kiến trúc nở rộ từ thời Mạc đến nay là loại hình di tích kiến trúc dạng đình. Trong các loại hình kiến trúc cổ Việt Nam, đình làng là loại hình kiến trúc đặc sắc và mang nhiều nét bản địa nhất. Đình làng với tư cách là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng làng xã. Trước thế kỷ XVI, dường như chúng ta chưa tìm thấy những chứng cứ vật chất cũng như các tư liệu đề cập về đình làng và kiến trúc của nó (trừ một số sử liệu đề cập đến sự xuất hiện của các ngôi đình trạm ở thời Trần).

Nguồn tư liệu thành văn cũng như tư liệu đã đề cập đến kiến trúc đình làng thời Mạc không nhiều. Qua tư liệu văn bia, chúng tôi bước đầu xác định được 6 ngôi đình xây dựng dưới thời Mạc và 8 ngôi đình khác được ghi chép trong văn bia, trong đó có 2 ngôi đình được xây dựng dưới thời Mạc còn khá nguyên vẹn, là Đình Lỗ Hạnh (Bắc Giang) và đình Tây Đằng (Hà Nội). Ngoài ra, có một số di tích ít nhiều còn di vật từ

thời Mạc, như: chùa Ngo, đền Phù Đổng, chùa Nành, chùa Đa Tốn chùa Bối Khê, chùa Hương Trai, đình Thụy Phiêu, chùa Mui... hiện đều nằm trên đất Hà Nội.

Như vậy, có thể thấy, trong 65 năm tồn tại ở Thăng Long nhà Mạc đã có những cống hiến đáng kể cho lịch sử Thăng Long và dân tộc trên nhiều lĩnh vực giáo dục, văn hoá, nghệ thuật v.v. Xã hội Đại Việt thời Mạc đã đi dần vào thế ổn định.

2. Thăng Long thời Mạc

Cuối triều Lê bắt đầu từ Lê Uy Mục, chính trường Thăng Long đã diễn ra khá phức tạp. Vua kém tài thiếu đức, bề tôi mưu thoán đoạt vương quyền, lòng người ly tán, chính trị, xã hội khủng hoảng sâu sắc. Tham gia vào sự biến loạn chủ yếu là các gương mặt thuộc tầng lớp vương công, văn võ bá quan, trong đó nổi lên nhân vật Mạc Đăng Dung. Đến thời Cung Hoàng thì uy thế của Mạc Đăng Dung đã bao trùm hết thảy và thu phục được lòng người. Sử chép về ông như sau: "Từng binh được nhiều giặc lớn, uy quyền ngày càng thịnh, mà đạo quân nhà vua thì yếu ớt lòng người, ai cũng hướng về Đăng Dung" (Lê Quý Đôn - Đại Việt thông sử). Qua hoạt động thực tiễn, Mạc Đăng Dung đã tỏ ra vượt trội hơn người về uy tín và tài năng. Việc phải đến đã đến, Thăng Long một lần nữa chứng kiến chính biến, vương triều nhà Lê chuyển qua nhà Mạc (1527).

Tuy nhiên, họ Mạc lập ra một triều đại mới trong bối cảnh đã hình thành nhiều thế lực quan liêu có quyền lực quân sự lớn nhỏ, cho nên lâm ngay vào tình trạng chiến tranh phân liệt chứ không phải thống nhất. Với việc phế bỏ nhà Lê, họ Mạc đã mở đầu cục diện phân tranh. Cuộc phân tranh này trước tiên diễn ra giữa Tây Đô và Thăng Long, hình thành nên cái gọi là Bắc triều (thế lực nhà Mạc) và Nam triều (thế lực nhà Trịnh) để rồi sau đó tới thế kỷ XVII chuyển sang cục diện Đàng Trong, Đàng Ngoài.

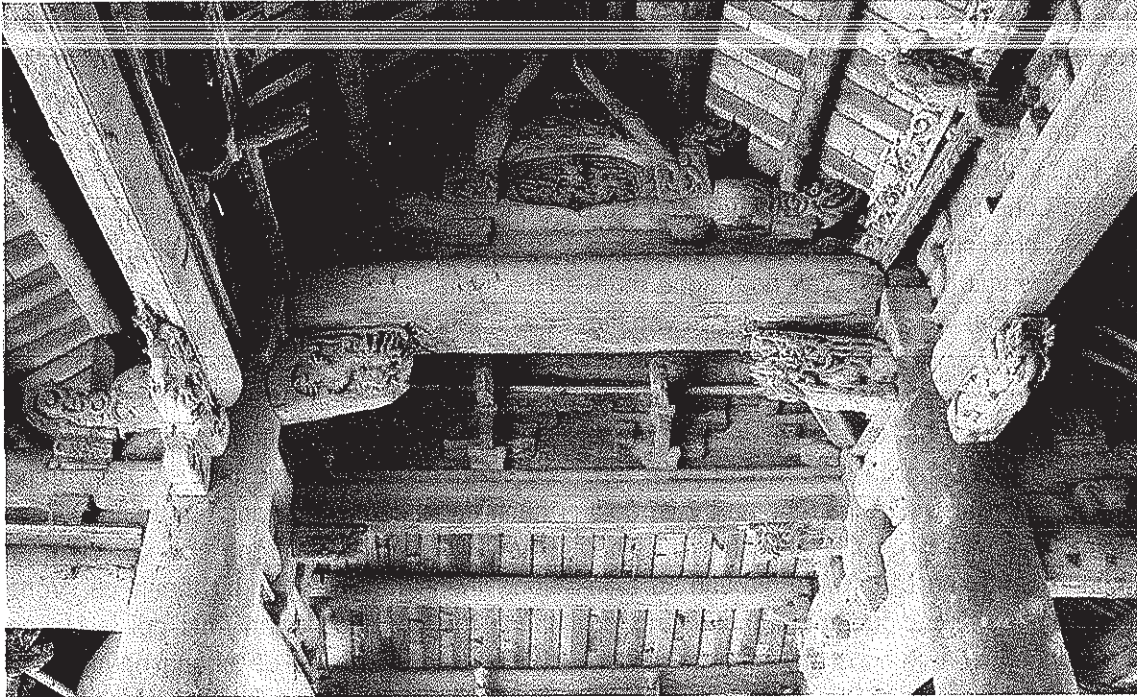
- Đặc điểm hành chính: Bức tranh Thăng Long thời Mạc khá phức tạp, cung điện kho tàng và các phường phố ở Kinh thành đã nhiều lần bị thiêu đốt, tàn phá. Hoàng thành nhiều

năm bị bỏ trống càng trở nên hoang phế điêu tàn. Cuối năm 1585, Mạc Mậu Hợp trở lại Thăng Long cho tu sửa lại Hoàng thành để chống lại cuộc tấn công của họ Trịnh. Lần tu sửa này, Hoàng thành đã thu hẹp lại về hai phía Đông và Tây, một số cung điện bị bỏ ra ngoài Hoàng thành trở nên hoang phế. Tuy vậy, Hoàng thành thời gian này vẫn rộng hơn Hoàng thành thời Lý - Trần và rộng hơn tỉnh thành Hà Nội thời Nguyễn.

Về cấu trúc thành lũy, thành Đông Kinh thời Lê sơ, hay Thăng Long thời Mạc vẫn dựa trên cơ sở thành Thăng Long thời Lý, Trần. Vòng thành ngoài cùng vẫn mang tên thành Đại La. Năm 1477, Lê Thánh Tông cho xây dựng lại vòng thành này trên cơ sở thành cũ. Vòng thành thứ hai được chính thức gọi là Hoàng thành. Năm 1588, để đề phòng những cuộc tiến công của quân Lê - Trịnh, nhà Mạc lo tăng cường hệ thống thành lũy phòng vệ quanh thành Thăng Long. Nhà Mạc huy động dân bốn trấn vùng đồng bằng "đắp thêm ba lớp lũy ngoài thành Đại La ở Thăng Long, bắt đầu từ phường Nhật Chiêu (nay là phường Nhật Tân, quận Tây Hồ), vượt qua Hồ Tây, qua Cầu Dừa (nay là Ô Chợ Dừa, thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa) đến Cầu Dền (nay là Ô Cầu Dền, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng), suốt đến Thanh Trì, giáp sông Nhị Hà, cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng, đào 3 lớp hào, đều trồng tre, dài tới mười mấy dặm để bọc phía ngoài thành" (Đại Việt sử ký toàn thư).

Trên bản đồ Hà Nội hiện nay, thành này bắt đầu từ Nhật Tân, chạy theo đường phía Tây Hồ Tây, qua Bưởi, Ô Cầu Giấy, theo đường Giảng Võ - La Thành, qua Ô Chợ Dừa, Kim Liên, rồi theo đường Đại Cồ Việt qua Ô Cầu Dền, theo đường Trần Khát Chân, tới Ô Đống Mác, ra tới chân đê sông Hồng. Thành này rộng hơn thành Đại La và đưa toàn bộ khu Hồ Tây vào trong phạm vi thành Thăng Long đời Mạc.

Năm 1592, sau khi quân Nam triều đánh bại quân Mạc ở Thăng Long, Mạc Mậu Hợp phải chạy sang bên bờ Bắc Nhị Hà, chiếm cứ một dải sông để tự vệ, Trịnh Tùng toan dẫn quân



Kết cấu trong lòng đình Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội - Ảnh: T.L

qua sông tiến đánh. Nhưng bấy giờ Trịnh Tùng trúng kế hoãn binh của hàng tướng nhà Mạc là Nguyễn Quyện: "Lệnh cho các quân san phẳng lũy đất thành Đại La dài đến mấy nghìn trượng, phát hết bụi rậm gai góc, cày lấp hào rãnh, phá hết thành đất bằng, không mấy ngày là xong. Đây là mưu của Nguyễn Quyện để làm kế hoãn binh cho họ Mạc" (Đại Việt sử ký toàn thư)... Tuy nhiên, quân Trịnh trong thực tế cũng không san bằng hết được toàn bộ vòng thành Đại La, ngày nay còn thấy nhiều đoạn thành Đại La do nhà Mạc đắp khá rõ, đó là: đoạn đường đất cao chạy từ chợ Bưởi cho đến Cầu Giấy, hoặc đoạn đường chạy từ Ô Chợ Dừa cho đến đầu khu tập thể Kim Liên (đầu phố Đào Duy Anh ngày nay), hoặc đoạn đường đê chạy từ đầu Ô Cầu Dền (Bạch Mai) đến Ô Đống Mác vừa được san đi để làm đường Trần Khát Chân...

- Đặc điểm xã hội: Mặc dù có nhiều biến động về chính trị, xã hội song đây cũng chính là thời kỳ kinh tế và văn hoá đặc biệt phát triển, hình thành nên những vùng buôn bán khá hưng thịnh. Chợ phát triển nhiều, buôn bán sầm uất ở kinh kỳ, Kiến An... Tầng lớp thị dân ngày một gia tăng, có một số trở thành chủ xưởng, chủ

hiệu giàu có, nhưng đông đảo vẫn là người sản xuất và buôn bán nhỏ. Vì thế, Thăng Long không vượt qua được mô hình cấu trúc của thành thị trung đại phương Đông để trở thành "thành thị tự do" như ở phương Tây. Với một chính sách khá cởi mở đối với thương nghiệp, nhà Mạc không "ức thương" như nhà Lê trước đó, nên đời sống Thăng Long có ổn định, người dân kinh thành sống dễ chịu hơn.

Tại kinh đô Thăng Long, cũng giống như nhà Lê trước đây, nhà Mạc củng cố các giám, sở, cục và nha môn dành cho thợ thủ công như Thượng bảo giám, Lục thanh giám, Khí giới doanh tạo sở, Bách đầu cục... Những người thợ ở đây lo các vật dụng sinh hoạt hàng ngày cho nhà vua và hoàng tộc, thậm chí có cơ quan chuyên về việc chế tác đá quý, ngọc được gọi là Ngọc thạch cục. Trần Kim Bông, người thợ khắc bia chùa Cự Linh (Gia Lộc, Hải Dương) năm 1543, từng giữ chức Cục phó của Ngự dụng giám san thư cục; Vô Đạo giữ chức Cục phó Cục san thư ở Thượng bảo giám, khắc bia chùa Tư Phúc (Thái Bình) năm 1545; Hoàng Văn Thấy, giữ chức Phó thường ban ở Lục thanh giám Bách đầu tác cục, khắc bia chùa

Đông Ngộ (Hải Dương) năm 1536; Đỗ Văn Đình làm trong Ngọc thạch cục thuộc Khí giới doanh tạo sở (Đình Khắc Thuân, *Văn bia thời Mạc*, Nxb. KHXH, N. 1996, tr 45, 50, 68, 106, 345). Trong một số ty của các vệ cấm thành cũng có thợ chuyên nghiệp, như trường hợp Nguyễn Ích Diêu làm trong ty Hà Thanh đã san khắc 4 bia đá. Thực tế, các sở, cục chuyên nghề thủ công phục vụ trong hoàng cung đều do các giám quản lý.

Thợ chuyên nghiệp nhà nước cũng được phong chức tước như những quan chức khác. Đoàn Nhân Hạng được phong chức Cận sự tá lang, Tạ Văn Kế giữ chức Sở thừa, được huân phong là Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu... (Đình Khắc Thuân, *Lịch sử triều Mạc - Qua thư tịch và văn bia*, Nxb. KHXH, 2001, tr. 203, 204). Bên cạnh đó, họ còn có chức danh mang tính chuyên biệt của ngành nghề. Chẳng hạn, người đứng đầu ở các sở gọi là Sở thừa Tượng chánh, Thường ban, rồi Tượng phó, Cục phó, Tượng nhân. Rõ ràng là dưới thời Mạc, người thợ thực sự được coi trọng, hoàn toàn không phải là những "công tượng" bị o ép, coi rẻ như ở thời Lê sơ.

Trong dân gian, ở kinh đô Thăng Long, thợ chuyên nghiệp vẫn được tổ chức lại theo phường thợ thủ công. Với chính sách kinh tế khá cởi mở và tình hình trị an tương đối tốt của triều Mạc, thợ thuyền được tự do đi lại và tự do hành nghề, mà Thăng Long là nơi tụ họp nhân tài các phường thợ dân gian, khiến cho nơi đây dần dần hình thành thêm các phường, phố nghề mới, làm phong phú hơn nét đặc sắc của phường phố cổ truyền.

Thăng Long thời Mạc, về văn hóa - giáo dục cũng có bước phát triển đáng ghi nhận, đây cũng là thời gian thành Thăng Long chứng kiến sự thăng hoa của mặt bằng trí thức so với thời cuối Lê sơ. Giống như thời Lê Thánh Tông, Thăng Long dưới thời Mạc vẫn là nơi hội tụ các sĩ tử của cả nước, cứ 3 năm một lần, tập hợp lại đây so tài cao thấp mong "vượt vũ môn" để giúp đời. Nhiều nhân tài xuất hiện: Nguyễn Bình Khiêm, Giáp Hải, Lê Bá Ly, Nguyễn Thiến, Nguyễn Quyện...

Để cố kết nhân tâm và thu phục nhân tài, tăng cường sức mạnh cho triều đại của mình, ngay từ khi mới thay thế triều Lê, các ông vua đầu triều Mạc vẫn đề cao Nho giáo. Sử cũ cho biết: "Mùa xuân năm Bình Thân (1536), Mạc Đăng Dung sai Đông quân Tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa tu sửa lại trường Quốc tử giám (Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*). Vào tháng Giêng năm sau, Đình Dậu (1537): "Mạc Đăng Doanh đến trường Thái học làm lễ thính điện tế Tiên thánh (Chu Công), Tiên sư (Khổng Tử)" (Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*). Với những hành động có tính chất biểu trưng nói trên, nhà Mạc muốn khẳng định với nhân dân Thăng Long và nhân dân cả nước việc họ chính thức thừa nhận tư tưởng Nho giáo là tư tưởng chính thống của triều đại. Nho giáo vẫn là công cụ chính để nhà Mạc xây dựng chính quyền và củng cố trật tự xã hội. Triều Mạc, mặc dù dựa vào Nho giáo để trị quốc nhưng vẫn cho phép các tín ngưỡng, tôn giáo khác phát triển, nhất là Phật giáo. Dưới thời Mạc, Phật giáo lại có điều kiện để hưng khởi. Nhiều chùa ở kinh đô Thăng Long được tu sửa, tôn tạo, bên cạnh các chùa ở các nơi khác như Phật Tích, Bút Tháp, Vĩnh Nghiêm, Luy Lâu thuộc Kinh Bắc cũng được trùng tu...

Tóm lại, với tất cả những mặt nổi trội của vương triều Mạc như đã nêu trên cho thấy, sự đóng góp của vương triều này đối với sự phát triển một giai đoạn của Thăng Long là rất rõ rệt. Chào mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, việc đánh giá lại những dấu mốc lịch sử liên quan đến 1000 năm đó có ý nghĩa hơn bao giờ hết, trong đó phải nhắc đến giai đoạn nhà Mạc trên mảnh đất thiêng này. Chúng ta sẽ không thể hình dung được một Thăng Long - Hà Nội 1000 năm tuổi với nhiều giá trị lịch sử văn hoá truyền thống tốt đẹp như thế mà không nhắc đến vương triều Mạc trong lịch sử quốc gia dân tộc, đã từng tồn tại trong thành phố di sản, thành phố nghìn năm này. Vương triều Mạc là một thực thể trong lịch sử 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và trong lịch sử của dân tộc Việt Nam./.